

Số 1051 - QĐ/VHLKHXHVN

**QUYẾT ĐỊNH**  
**công khai tài sản công của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam**  
**năm 2025**

- 
- Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017
  - Căn Quyết định số 12-QĐ/TW ngày 30/3/2026 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
  - Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;
  - Căn cứ Thông tư số 120/2025/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
  - Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Kế hoạch – Tài chính.

**CHỦ TỊCH VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM**  
**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Công khai tài sản công của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam năm 2025 (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Kế hoạch – Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc;
- Công thông tin VHL (để đăng tải);
- Lưu VT, KHTC.



**CÔNG KHAI VIỆC HÌNH THÀNH TÀI SẢN CÔNG NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1051-QĐ/KHXH, ngày 08 / 06 / 2026 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)

ĐVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m<sup>2</sup>; Nguyên giá là: Nghìn đồng.

STT	Tài sản	Đầu tư xây dựng/Mua sắm			Tiếp nhận giao, Điều chuyển			Thuê		
		Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá	Số lượng	Diện tích	Nguyên giá
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>1</b>	<b>Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam</b>									
	Đất	2	2.016	41.166.276	6	211.057	3.015.756.523			
	Nhà	2	6.038	90.966.086	20	19.059	161.349.270			
	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác				25		80.342.244			
	Xe ô tô	3		2.613.882	6		3.140.988			
	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)									
	Máy móc, thiết bị	274		74.872.456	651	86	54.811.484			
	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm									
	Tài sản cố định đặc thù									
	Tài sản cố định hữu hình khác	20		2.144.412	139	17	8.530.914			
	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	28		3.951.112	7	1	1.499.060			

**CÔNG KHAI TÌNH HÌNH SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 1051 -QĐ/KHXH ngày 8/06/2026 của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam)



DVT cho: Số lượng là: Cái, khuôn viên; Diện tích là: m<sup>2</sup>; Nguyên giá/Giá trị còn lại là: Nghìn đồng.

STT	Tài sản	Tổng cộng		Hiện trạng sử dụng				Ghi chú
		Số lượng	Diện tích	Đang sử dụng đúng mục đích	Đang sử dụng không đúng mục đích	Bỏ trống/ không sử dụng	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>1</b>	<b>Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam</b>							
	Đất	29	290.368	24		5		
	Nhà	63	65.189	57		2	4	
	Vật kiến trúc, công trình xây dựng khác	45		44		1		
	Xe ô tô	35		32			3	
	Phương tiện vận tải khác (ngoài xe ô tô)	1		1				
	Máy móc, thiết bị	5.655		5.257		3	395	
	Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm							
	Tài sản cố định đặc thù	2		2				
	Tài sản cố định hữu hình khác	712		691		3	18	
	Tài sản cố định vô hình (ngoài giá trị quyền sử dụng đất)	193		183		7	3	



